

Số: 229/QĐ-STNMT

Hải Phòng, ngày 10 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức năm 2021  
tại một số đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố: số 1997/QĐ-UBND ngày 25/8/2003 về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường, số 1117/2015/QĐ-UBND ngày 22/5/2015 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Xét báo cáo của Hội đồng tuyển dụng viên chức tại Công văn số 1544/HĐTDVC ngày 04/5/2022 và đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức năm 2021 tại một số đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đối với **88** trường hợp, cụ thể:

- |                                             |           |
|---------------------------------------------|-----------|
| 1. Số thí sinh trúng tuyển viên chức:       | <b>76</b> |
| 2. Số thí sinh không trúng tuyển viên chức: | <b>10</b> |
| 3. Số thí sinh bỏ thi:                      | <b>02</b> |

*(Danh sách chi tiết kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Hội đồng tuyển dụng viên chức: Thực hiện thông báo công khai Quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức năm 2021 tại một số đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trên Cổng Thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo quy định.

2. Giao Văn phòng Sở tiếp tục triển khai các công việc theo quy định để hoàn thành việc tuyển dụng viên chức năm 2021.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Hội đồng tuyển dụng viên chức, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật - Dữ liệu, Thông tin tài nguyên và môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại danh sách kèm theo quyết định này căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Giám đốc, PGD P.V.Thuần;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT. *phuy*

**GIÁM ĐỐC****Trần Văn Phương**

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021**  
**TẠI MỘT SỐ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Quyết định số 229/QĐ-STNMT ngày 10/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

| STT                                                                 | Họ | và tên        | Ngày, tháng, năm sinh |            | Số báo danh | Trình độ chuyên môn |                                                     |                     |                   |           | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học     | Chuyên ngành thi phỏng vấn | Điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Ghi chú |                   |
|---------------------------------------------------------------------|----|---------------|-----------------------|------------|-------------|---------------------|-----------------------------------------------------|---------------------|-------------------|-----------|--------------------|----------------------|----------------------------|----------------|--------------|-----------|---------|-------------------|
|                                                                     |    |               | Nam                   | Nữ         |             | Tên trường đào tạo  | Trình độ                                            | Ngành/ Chuyên ngành | Hình thức đào tạo | Xếp loại  |                    |                      |                            |                |              |           |         |                   |
| I. TRUNG TÂM KỸ THUẬT - DỮ LIỆU, THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG |    |               |                       |            |             |                     |                                                     |                     |                   |           |                    |                      |                            |                |              |           |         |                   |
| 03 người vào vị trí Kỹ thuật - Đo đạc bản đồ                        |    |               |                       |            |             |                     |                                                     |                     |                   |           |                    |                      |                            |                |              |           |         |                   |
| 1                                                                   | 1  | Nguyễn Tuấn   | Đạt                   | 23/10/1976 |             | 01                  | Đại học Nông nghiệp I Hà Nội                        | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy | Trung bình         | Anh A2               | UD CNTT cơ bản             | Đo đạc bản đồ  | 72           |           | 72      | Trúng tuyển       |
| 2                                                                   | 2  | Đới Xuân      | Hiệu                  | 18/11/1977 |             | 02                  | Đại học Nông nghiệp Hà Nội                          | Thạc sỹ             | Quản lý đất đai   | Chính quy |                    | Cử nhân ngôn ngữ Anh | Tin học văn phòng          | Đo đạc bản đồ  | 35           |           | 35      | Không trúng tuyển |
|                                                                     |    |               |                       |            |             |                     | Đại học Khoa học Tự nhiên                           | Cử nhân             | Địa chính         | Tại chức  | Trung bình khá     |                      |                            |                |              |           |         |                   |
| 3                                                                   | 3  | Trần Ngọc     | Long                  | 1/12/1977  |             | 03                  | Đại học Thành Đông                                  | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy | Khá                | Anh A2               | Cao đẳng                   | Đo đạc bản đồ  | 70           |           | 70      | Trúng tuyển       |
| 4                                                                   | 4  | Bùi Thị Thanh | Trâm                  |            | 28/5/1976   | 04                  | Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội | Đại học             | Địa chính         | Tại chức  | Khá                | Anh B                | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Đo đạc bản đồ  | 73           |           | 73      | Trúng tuyển       |
| 04 người vào vị trí Tư vấn - Dịch vụ                                |    |               |                       |            |             |                     |                                                     |                     |                   |           |                    |                      |                            |                |              |           |         |                   |
| 5                                                                   | 1  | Nguyễn Văn    | Đoàn                  | 25/06/1978 |             | 05                  | Trường Đại học Nông nghiệp I                        | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy | Trung bình         | Anh A2               | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Đo đạc bản đồ  | 72           |           | 72      | Trúng tuyển       |

| STT                                                 | Họ | và tên     | Ngày, tháng, năm sinh |            | Số báo danh | Trình độ chuyên môn                                         |          |                          |                   |          | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học     | Chuyên ngành thi phỏng vấn    | Điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-----------------------------------------------------|----|------------|-----------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------|----------|--------------------------|-------------------|----------|--------------------|----------------------|-------------------------------|----------------|--------------|-----------|-------------|
|                                                     |    |            | Nam                   | Nữ         |             | Tên trường đào tạo                                          | Trình độ | Ngành/ Chuyên ngành      | Hình thức đào tạo | Xếp loại |                    |                      |                               |                |              |           |             |
| 6                                                   | 2  | Nguyễn Văn | Huynh                 | 15/05/1985 | 06          | Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội         | Đại học  | Quản lý đất đai          | Vừa học vừa làm   | Khá      | Anh A2             | Ứng dụng CNTT cơ bản | Đo đặc bản đồ                 | 60             |              | 60        | Trúng tuyển |
|                                                     |    |            |                       |            |             | Đại học Mỏ - Địa chất                                       | Thạc Sĩ  | Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ |                   |          |                    |                      |                               |                |              |           |             |
| 7                                                   | 3  | Nguyễn Đức | Thuận                 | 19/08/1980 | 07          | Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội; | Đại học  | Địa chính                | Vừa học vừa làm   | Khá      | Anh bậc 3/6        | Ứng dụng CNTT cơ bản | Đo đặc bản đồ                 | 58             |              | 58        | Trúng tuyển |
|                                                     |    |            |                       |            |             |                                                             | Thạc Sĩ  | Quản lý đất đai          |                   | Khá      |                    |                      |                               |                |              |           |             |
| 8                                                   | 4  | Bùi Thị    | Yến                   | 02/11/1977 | 08          | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội  | Đại học  | Địa chính                | Chính quy         | Khá      | Anh A2             | Ứng dụng CNTT cơ bản | Đo đặc bản đồ                 | 62             |              | 62        | Trúng tuyển |
| <b>02 người vào vị trí Cơ sở dữ liệu và lưu trữ</b> |    |            |                       |            |             |                                                             |          |                          |                   |          |                    |                      |                               |                |              |           |             |
| 9                                                   | 1  | Phạm Đức   | Anh                   | 28/08/1998 | 09          | Học viện Nông nghiệp Việt Nam                               | Đại học  | Quản lý đất đai          | Chính quy         | Khá      | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 60             |              | 60        | Trúng tuyển |
| 10                                                  | 2  | Bùi Thị    | Nhanh                 | 24/11/1994 | 10          | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội              | Đại học  | Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ | Chính quy         | Khá      | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 60             |              | 60        | Trúng tuyển |
| <b>01 người vào vị trí Hành chính tổng hợp</b>      |    |            |                       |            |             |                                                             |          |                          |                   |          |                    |                      |                               |                |              |           |             |
| 11                                                  | 1  | Ngô Chí    | Dũng                  | 23/03/1992 | 11          | Trường Đại học Thành Đông                                   | Đại học  | Quản lý đất đai          | Chính quy         | Khá      | Anh A2             | UD CNTT cơ bản       | Đo đặc bản đồ                 | 62             |              | 62        | Trúng tuyển |

| STT                                                                | Họ | và tên        | Ngày, tháng, năm sinh |            | Số báo danh | Trình độ chuyên môn |                      |                     |                   |                 | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chuyên ngành thi phỏng vấn | Điểm phỏng vấn  | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Ghi chú |                   |
|--------------------------------------------------------------------|----|---------------|-----------------------|------------|-------------|---------------------|----------------------|---------------------|-------------------|-----------------|--------------------|------------------|----------------------------|-----------------|--------------|-----------|---------|-------------------|
|                                                                    |    |               | Nam                   | Nữ         |             | Tên trường đào tạo  | Trình độ             | Ngành/ Chuyên ngành | Hình thức đào tạo | Xếp loại        |                    |                  |                            |                 |              |           |         |                   |
| II. VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI                                      |    |               |                       |            |             |                     |                      |                     |                   |                 |                    |                  |                            |                 |              |           |         |                   |
| 34 người vào vị trí Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |    |               |                       |            |             |                     |                      |                     |                   |                 |                    |                  |                            |                 |              |           |         |                   |
| 12                                                                 | 1  | Lê Đức        | Anh                   | 20/5/1993  |             | 12                  | Đại học Lâm Nghiệp   | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy       | Trung bình         | Anh A2           | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Quản lý đất đai | 52           |           | 52      | Trúng tuyển       |
| 13                                                                 | 2  | Vũ Ngọc       | Anh                   |            | 13/11/1994  | 13                  | Đại học Thành Đông   | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy       | Khá                | Anh B            | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Quản lý đất đai | 35           |           | 35      | Không trúng tuyển |
| 14                                                                 | 3  | Nguyễn Tuấn   | Anh                   | 21/09/1979 |             | 14                  | Đại học Thành Đông   | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy       | Khá                | Anh B            | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Quản lý đất đai | 55           |           | 55      | Trúng tuyển       |
| 15                                                                 | 4  | Vương Thị Kim | Chung                 |            | 15/10/1977  | 15                  | ĐH Khoa học tự nhiên | Đại học             | Địa chính         | Vừa làm vừa học | Trung bình khá     | Anh B            | Tin học ứng dụng B         | Quản lý đất đai | 55           |           | 55      | Trúng tuyển       |
| 16                                                                 | 5  | Phạm Thị      | Chuyên                |            | 12/12/1985  | 16                  | ĐH Khoa học tự nhiên | Đại học             | Địa chính         | Vừa làm vừa học | Trung bình khá     | Anh B            | Tin học ứng dụng B         | Quản lý đất đai | 55           |           | 55      | Trúng tuyển       |
|                                                                    |    |               |                       |            |             |                     | ĐH Luật Hà Nội       | Đại học             | Luật              | Vừa làm vừa học | Khá                |                  |                            |                 |              |           |         |                   |
| 17                                                                 | 6  | Nguyễn Văn    | Cường                 | 10/12/1988 |             | 17                  | ĐH Khoa học tự nhiên | Thạc sĩ             | Quản lý đất đai   |                 |                    | Anh B            | Trung cấp                  | Quản lý đất đai | 55           |           | 55      | Trúng tuyển       |
|                                                                    |    |               |                       |            |             | Đại học             |                      | Địa chính           | Vừa làm vừa học   | Khá             |                    |                  |                            |                 |              |           |         |                   |

| STT | Họ | và tên     | Ngày, tháng, năm sinh |            | Số báo danh | Trình độ chuyên môn |                                                            |                     |                   |                 | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chuyên ngành thi phỏng vấn | Điểm phỏng vấn  | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Ghi chú |                   |
|-----|----|------------|-----------------------|------------|-------------|---------------------|------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------|-----------------|--------------------|------------------|----------------------------|-----------------|--------------|-----------|---------|-------------------|
|     |    |            | Nam                   | Nữ         |             | Tên trường đào tạo  | Trình độ                                                   | Ngành/ Chuyên ngành | Hình thức đào tạo | Xếp loại        |                    |                  |                            |                 |              |           |         |                   |
| 18  | 7  | Trịnh Văn  | Cường                 | 2/06/1993  |             | 18                  | Đại học Thành Đông                                         | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy       | Khá                | Anh B            | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Quản lý đất đai | 65           |           | 65      | Trúng tuyển       |
| 19  | 8  | Nguyễn Thị | Dung                  |            | 20/05/1985  | 19                  | ĐH Khoa học tự nhiên                                       | Đại học             | Địa chính         | Vừa làm vừa học | Trung bình khá     | Anh B            | Tin học ứng dụng B         | Quản lý đất đai | 60           |           | 60      | Trúng tuyển       |
| 20  | 9  | Trần Văn   | Dũng                  | 21/07/1986 |             | 20                  | ĐH Khoa học Tự nhiên - ĐH Quốc Gia HN                      | Đại học             | Địa chính         | Vừa làm vừa học | Trung bình khá     | Anh B            | Tin học ứng dụng           | Quản lý đất đai | 25           |           | 25      | Không trúng tuyển |
| 21  | 10 | Đỗ Thị     | Duyên                 |            | 25/4/1986   | 21                  | ĐH Khoa học tự nhiên                                       | Đại học             | Quản lý đất đai   | Vừa làm vừa học | Khá                | Anh B            | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Quản lý đất đai | 60           |           | 60      | Trúng tuyển       |
| 22  | 11 | Lê Hải     | Đăng                  | 22/11/1984 |             | 22                  | ĐH Khoa học tự nhiên                                       | Đại học             | Địa chính         | Vừa làm vừa học | Trung bình khá     | Anh A2           | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Quản lý đất đai | 30           |           | 30      | Không trúng tuyển |
| 23  | 12 | Phạm Thu   | Hà                    |            | 31/10/1990  | 23                  | Đại học Thành Đông                                         | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy       | Giỏi               | Anh B            | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Quản lý đất đai | 70           | 5         | 75      | Trúng tuyển       |
| 24  | 13 | Nguyễn Hữu | Hải                   | 26/11/1988 |             | 24                  | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội | Thạc Sĩ             | Quản lý đất đai   |                 |                    | Anh B1           | UD CNTT cơ bản             | Quản lý đất đai | 55           |           | 55      | Trúng tuyển       |
|     |    |            |                       |            |             |                     | Trường Đại học Mỏ - Địa chất                               | Đại học             | Trắc địa          | Chính quy       | Trung bình khá     |                  |                            |                 |              |           |         |                   |
| 25  | 14 | Trần Thị   | Hạnh                  |            | 31/7/1984   | 25                  | ĐH Khoa học tự nhiên                                       | Đại học             | Địa chính         | Vừa làm vừa học | Trung bình khá     | Anh B            | UD CNTT cơ bản             | Quản lý đất đai | 65           | 5         | 70      | Trúng tuyển       |

| STT | Họ | và tên         | Ngày, tháng, năm sinh |            | Số báo danh | Trình độ chuyên môn     |          |                     |                   |                | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học     | Chuyên ngành thi phỏng vấn | Điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Ghi chú           |
|-----|----|----------------|-----------------------|------------|-------------|-------------------------|----------|---------------------|-------------------|----------------|--------------------|----------------------|----------------------------|----------------|--------------|-----------|-------------------|
|     |    |                | Nam                   | Nữ         |             | Tên trường đào tạo      | Trình độ | Ngành/ Chuyên ngành | Hình thức đào tạo | Xếp loại       |                    |                      |                            |                |              |           |                   |
| 26  | 15 | Trần Thị       | Hiền                  | 15/5/1994  | 26          | Học viện Nông nghiệp VN | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Khá            | Anh B              | UD CNTT cơ bản       | Quản lý đất đai            | 51             |              | 51        | Trúng tuyển       |
| 27  | 16 | Nguyễn Đức     | Hiếu                  | 28/9/1983  | 27          | ĐH Khoa học tự nhiên    | Đại học  | Địa chính           | Vừa làm vừa học   | Trung bình khá | Anh B              | UD CNTT cơ bản       | Quản lý đất đai            | 55             |              | 55        | Trúng tuyển       |
| 28  | 17 | Nguyễn Thanh   | Hiếu                  | 15/11/1994 | 28          | ĐH Khoa học tự nhiên    | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Khá            | Anh A2             | UD CNTT cơ bản       | Quản lý đất đai            | 55             |              | 55        | Trúng tuyển       |
| 29  | 18 | Lương Thị      | Hòa                   | 19/5/1985  | 29          | ĐH Khoa học tự nhiên    | Đại học  | Địa chính           | Vừa làm vừa học   | Trung bình khá | Anh B              | Tin học ứng dụng B   | Quản lý đất đai            | 55             |              | 55        | Trúng tuyển       |
| 30  | 19 | Nguyễn Thị Thu | Hồng                  | 17/9/1990  | 30          | Đại học Thành Đông      | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Giỏi           | Anh A2             | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 55             |              | 55        | Trúng tuyển       |
| 31  | 20 | Đoàn Minh      | Huệ                   | 26/5/1990  | 31          | Đại học Thành Đông      | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Giỏi           | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 40             |              | 40        | Không trúng tuyển |
| 32  | 21 | Vũ Đức         | Huy                   | 24/10/1988 | 32          | ĐH Khoa học tự nhiên    | Đại học  | Quản lý đất đai     | Vừa làm vừa học   | Khá            | Anh A2             | Đại học              | Quản lý đất đai            | 70             |              | 70        | Trúng tuyển       |
| 33  | 22 | Hoàng Mai      | Hương                 | 02/11/1995 | 33          | ĐH Khoa học tự nhiên    | Thạc sỹ  | Quản lý đất đai     |                   |                | Anh A2             | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 55             |              | 55        | Trúng tuyển       |
|     |    |                |                       |            |             |                         | Đại học  | Công nghệ Địa chính | Chính quy         | Khá            |                    |                      |                            |                |              |           |                   |
| 34  | 23 | Trần Duy       | Khánh                 | 7/05/1982  | 34          | ĐH Khoa học tự nhiên    | Đại học  | Địa chính           | Vừa làm vừa học   | Trung bình     | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 60             |              | 60        | Trúng tuyển       |

| STT | Họ | và tên        | Ngày, tháng, năm sinh |            | Số báo danh | Trình độ chuyên môn         |          |                     |                   |                | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học     | Chuyên ngành thi phỏng vấn | Điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-----|----|---------------|-----------------------|------------|-------------|-----------------------------|----------|---------------------|-------------------|----------------|--------------------|----------------------|----------------------------|----------------|--------------|-----------|-------------|
|     |    |               | Nam                   | Nữ         |             | Tên trường đào tạo          | Trình độ | Ngành/ Chuyên ngành | Hình thức đào tạo | Xếp loại       |                    |                      |                            |                |              |           |             |
| 35  | 24 | Bùi Thị Ngọc  | Khánh                 | 8/8/1996   | 35          | Học viện Nông nghiệp VN     | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 65             |              | 65        | Trúng tuyển |
| 36  | 25 | Nguyễn Thị    | Linh                  | 24/2/1982  | 36          | Đại học Thành Đông          | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Tin học ứng dụng B   | Quản lý đất đai            | 55             |              | 55        | Trúng tuyển |
| 37  | 26 | Phạm Thị Thúy | Nga                   | 21/11/1977 | 37          | Đại học Thành Đông          | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 62             | 5            | 67        | Trúng tuyển |
| 38  | 27 | Cao Minh      | Nghĩa                 | 14/01/1994 | 38          | ĐH Tài nguyên và môi trường | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Trung bình khá | Anh C              | Tin học ứng dụng B   | Quản lý đất đai            | 67             |              | 67        | Trúng tuyển |
| 39  | 28 | Đinh Thị      | Nhớ                   | 28/01/1988 | 39          | ĐH Khoa học tự nhiên        | Đại học  | Quản lý đất đai     | Vừa làm vừa học   | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 52             |              | 52        | Trúng tuyển |
| 40  | 29 | Ngô Gia       | Phước                 | 21/08/1981 | 40          | ĐH Khoa học tự nhiên        | Đại học  | Quản lý đất đai     | Vừa làm vừa học   | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 60             |              | 60        | Trúng tuyển |
| 41  | 30 | Nguyễn Thị    | Phương                | 02/12/1987 | 41          | ĐH Tài nguyên và môi trường | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 60             |              | 60        | Trúng tuyển |
| 42  | 31 | Trần Thị      | Phương                | 4/4/1986   | 42          | Đại học Thành Đông          | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Tin học ứng dụng B   | Quản lý đất đai            | 51             |              | 51        | Trúng tuyển |
| 43  | 32 | Nguyễn Thị    | Quyết                 | 24/11/1982 | 43          | ĐH Khoa học tự nhiên        | Đại học  | Quản lý đất đai     | Vừa làm vừa học   | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 52             |              | 52        | Trúng tuyển |

| STT |    | Họ          | và tên | Ngày, tháng, năm sinh |            | Số báo danh | Trình độ chuyên môn                   |          |                                                  |                   |                | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học     | Chuyên ngành thi phỏng vấn | Điểm phỏng vấn   | Điểm ưu tiên | Tổng điểm        | Ghi chú           |
|-----|----|-------------|--------|-----------------------|------------|-------------|---------------------------------------|----------|--------------------------------------------------|-------------------|----------------|--------------------|----------------------|----------------------------|------------------|--------------|------------------|-------------------|
|     |    |             |        | Nam                   | Nữ         |             | Tên trường đào tạo                    | Trình độ | Ngành/ Chuyên ngành                              | Hình thức đào tạo | Xếp loại       |                    |                      |                            |                  |              |                  |                   |
| 44  | 33 | Trần Duy    | Thành  | 28/11/1993            |            | 44          | Đại học Dân Lập HP                    | Đại học  | Xây dựng dân dụng và Công nghiệp                 | Chính quy         | Trung bình khá | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 60               |              | 60               | Trúng tuyển       |
| 45  | 34 | Phạm Thị    | Quỳnh  |                       | 25/10/1995 | 45          | Học viện Nông nghiệp VN               | Đại học  | Quản lý đất đai                                  | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 60               |              | 60               | Trúng tuyển       |
| 46  | 35 | Đỗ Thị Hoài | Thơ    |                       | 26/08/1995 | 46          | Học viện Nông nghiệp Việt Nam         | Đại học  | Quản lý đất đai                                  | Chính quy         | Khá            | Anh C              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 55               |              | 55               | Trúng tuyển       |
| 47  | 36 | Nguyễn Ngọc | Tiến   | 03/9/1985             |            | 47          | Đại học Khoa học tự nhiên             | Đại học  | Quản lý đất đai                                  | Vừa làm vừa học   | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 58               |              | 58               | Trúng tuyển       |
| 48  | 37 | Nguyễn Thị  | Thùy   |                       | 2/05/1995  | 48          | Đại học Lâm nghiệp                    | Đại học  | Quản lý đất đai (Kinh tế và Quản trị kinh doanh) | Chính quy         | Khá            | Anh Bậc 2/6        | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 30               |              | 30               | Không trúng tuyển |
| 49  | 38 | Đặng Văn    | Trọng  | 2/04/1986             |            | 49          | Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị | Đại học  | Luật Kinh tế                                     | Chính quy         | Trung bình khá | Anh A2             | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | Bỏ thi phỏng vấn |              | Bỏ thi phỏng vấn |                   |
| 50  | 39 | Hà Văn      | Tuấn   | 16/03/1981            |            | 50          | Đại học Công nghiệp Quảng Ninh        | Đại học  | Kỹ thuật Trắc địa bản đồ                         | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 52               |              | 52               | Trúng tuyển       |
| 51  | 40 | Nguyễn Xuân | Tuyên  | 26/02/1977            |            | 51          | ĐH Khoa học tự nhiên                  | Đại học  | Địa chính                                        | Vừa làm vừa học   | Trung bình     | Anh C              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | Bỏ thi phỏng vấn |              | Bỏ thi phỏng vấn |                   |

| STT                                   | Họ | và tên         | Ngày, tháng, năm sinh |            | Số báo danh | Trình độ chuyên môn |                                         |                     |                   |                 | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học   | Chuyên ngành thi phỏng vấn | Điểm phỏng vấn                | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Ghi chú |                   |
|---------------------------------------|----|----------------|-----------------------|------------|-------------|---------------------|-----------------------------------------|---------------------|-------------------|-----------------|--------------------|--------------------|----------------------------|-------------------------------|--------------|-----------|---------|-------------------|
|                                       |    |                | Nam                   | Nữ         |             | Tên trường đào tạo  | Trình độ                                | Ngành/ Chuyên ngành | Hình thức đào tạo | Xếp loại        |                    |                    |                            |                               |              |           |         |                   |
| 15 người vào vị trí Thông tin lưu trữ |    |                |                       |            |             |                     |                                         |                     |                   |                 |                    |                    |                            |                               |              |           |         |                   |
| 52                                    | 1  | Phạm Thị       | An                    |            | 26/11/1987  | 52                  | Đại học Thành Đông                      | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy       | Khá                | Anh B              | UD CNTT cơ bản             | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 56           |           | 56      | Trúng tuyển       |
| 53                                    | 2  | Nguyễn Thị Mai | Anh                   |            | 22/01/1989  | 53                  | Đại học Thành Đông                      | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy       | Khá                | Anh B              | UD CNTT cơ bản             | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 32           |           | 32      | Không trúng tuyển |
| 54                                    | 3  | Dương Tuấn     | Anh                   | 29/09/1985 |             | 54                  | Đại học Khoa học tự nhiên               | Đại học             | Quản lý đất đai   | Vừa làm vừa học | Khá                | Anh B              | UD CNTT cơ bản             | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 52           |           | 52      | Trúng tuyển       |
| 55                                    | 4  | Lê Thị Vân     | Anh                   |            | 09/4/1979   | 55                  | Đại học Thành Đông                      | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy       | Khá                | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 55           |           | 55      | Trúng tuyển       |
| 56                                    | 5  | Vũ Đình        | Cường                 | 29/01/1985 |             | 56                  | Đại học Thành Đông                      | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy       | Khá                | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 30           |           | 30      | Không trúng tuyển |
| 57                                    | 6  | Nguyễn Đức     | Cương                 | 20/11/1989 |             | 57                  | Đại học Thành Đông                      | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy       | Giỏi               | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 60           |           | 60      | Trúng tuyển       |
| 58                                    | 7  | Nguyễn Thu     | Hà                    |            | 08/6/1978   | 58                  | Đại học Khoa học tự nhiên               | Đại học             | Quản lý đất đai   | Vừa làm vừa học | Khá                | Cao đẳng Tiếng Anh | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 56           |           | 56      | Trúng tuyển       |
| 59                                    | 8  | Đào Thu        | Hương                 |            | 20/7/1994   | 59                  | Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Đại học             | Quản lý đất đai   | Chính quy       | Khá                | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản       | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 58           |           | 58      | Trúng tuyển       |

| STT | Họ | và tên          | Ngày, tháng, năm sinh |            | Số báo danh | Trình độ chuyên môn                     |          |                    |                   |                | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học     | Chuyên ngành thi phỏng vấn    | Điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-----|----|-----------------|-----------------------|------------|-------------|-----------------------------------------|----------|--------------------|-------------------|----------------|--------------------|----------------------|-------------------------------|----------------|--------------|-----------|-------------|
|     |    |                 | Nam                   | Nữ         |             | Tên trường đào tạo                      | Trình độ | Ngành/Chuyên ngành | Hình thức đào tạo | Xếp loại       |                    |                      |                               |                |              |           |             |
| 60  | 9  | Nguyễn Thị Xuân | Hương                 | 29/03/1983 | 60          | Đại học Thành Đông                      | Đại học  | Quản lý đất đai    | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 60             |              | 60        | Trúng tuyển |
| 61  | 10 | Bùi Thị         | Len                   | 28/8/1983  | 61          | Đại học Thành Đông                      | Đại học  | Quản lý đất đai    | Chính quy         | Giỏi           | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 52             | 5            | 57        | Trúng tuyển |
| 62  | 11 | Nguyễn Thành    | Long                  | 20/09/1988 | 62          | Đại học Thành Đông                      | Đại học  | Quản lý đất đai    | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Đại học              | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 58             |              | 58        | Trúng tuyển |
| 63  | 12 | Phạm Thị Thanh  | Mai                   | 15/8/1996  | 63          | Đại học Lâm nghiệp                      | Đại học  | Quản lý đất đai    | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 58             |              | 58        | Trúng tuyển |
| 64  | 13 | Đỗ Anh          | Phương                | 27/10/1982 | 64          | Đại học Khoa học tự nhiên               | Đại học  | Địa chính          | Vừa làm vừa học   | Trung bình khá | Anh A2             | Đại học              | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 59             |              | 59        | Trúng tuyển |
| 65  | 14 | Nguyễn Thị      | Phương                | 23/9/1995  | 65          | Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Đại học  | Quản lý đất đai    | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 57             |              | 57        | Trúng tuyển |
| 66  | 15 | Đinh Trọng      | Sáng                  | 26/05/1981 | 66          | Đại học Thành Đông                      | Đại học  | Quản lý đất đai    | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 52             |              | 52        | Trúng tuyển |
| 67  | 16 | Nguyễn Văn      | Trọng                 | 15/08/1985 | 67          | Đại học Khoa học tự nhiên               | Đại học  | Quản lý đất đai    | Vừa làm vừa học   | Khá            | Anh B              | Đại học              | Lưu trữ - Công nghệ thông tin | 65             |              | 65        | Trúng tuyển |

08 người vào vị trí Kỹ thuật địa chính

| STT |   | Họ              | và tên | Ngày, tháng, năm sinh |           | Số báo danh | Trình độ chuyên môn                     |          |                                  |                   |                | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học     | Chuyên ngành thi phỏng vấn | Điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Ghi chú                  |
|-----|---|-----------------|--------|-----------------------|-----------|-------------|-----------------------------------------|----------|----------------------------------|-------------------|----------------|--------------------|----------------------|----------------------------|----------------|--------------|-----------|--------------------------|
|     |   |                 |        | Nam                   | Nữ        |             | Tên trường đào tạo                      | Trình độ | Ngành/ Chuyên ngành              | Hình thức đào tạo | Xếp loại       |                    |                      |                            |                |              |           |                          |
| 68  | 1 | Trần Thị Phương | Anh    |                       | 14/9/1993 | 68          | Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Đại học  | Quản lý đất đai                  | Chính quy         | Trung bình khá | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Đo đặc bản đồ              | 52             |              | 52        | Trúng tuyển              |
| 69  | 2 | Đào Duy         | Bảo    | 21/07/1994            |           | 69          | Đại học Mỏ - Địa chất                   | Thạc sỹ  | Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ       |                   |                | Anh A2             | Ứng dụng CNTT cơ bản | Đo đặc bản đồ              | 55             |              | 55        | Trúng tuyển              |
|     |   |                 |        |                       |           |             |                                         | Đại học  | Địa chính                        | Chính quy         | Khá            |                    |                      |                            |                |              |           |                          |
| 70  | 3 | Đinh Thanh      | Bình   | 9/09/1989             |           | 70          | Đại học Khoa học tự nhiên               | Đại học  | Quản lý đất đai                  | Vừa làm vừa học   | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Đo đặc bản đồ              | 55             |              | 55        | Trúng tuyển              |
| 71  | 4 | Phạm Xuân       | Điệp   | 15/02/1982            |           | 71          | ĐH Khoa học tự nhiên                    | Đại học  | Địa chính                        | Vừa làm vừa học   | Trung bình khá | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Đo đặc bản đồ              | 35             |              | 35        | <b>Không trúng tuyển</b> |
| 72  | 5 | Nguyễn Đăng     | Huỳnh  | 5/12/1986             |           | 72          | Đại học Khoa học tự nhiên               | Đại học  | Địa chính                        | Vừa làm vừa học   | Trung bình     | Anh A2             | Ứng dụng CNTT cơ bản | Đo đặc bản đồ              | 55             |              | 55        | Trúng tuyển              |
| 73  | 6 | Đỗ Hoàng        | Linh   | 16/06/1994            |           | 73          | Đại học Hàng Hải VN                     | Đại học  | Xây dựng dân dụng và Công nghiệp | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Đo đặc bản đồ              | 68             |              | 68        | Trúng tuyển              |
|     |   |                 |        |                       |           |             | Đại học Thành Đông                      |          | Quản lý đất đai                  | Chính quy         | Khá            |                    |                      |                            |                |              |           |                          |
| 74  | 7 | Phạm Thị        | Lương  |                       | 02/5/1995 | 74          | Học viện Nông nghiệp Việt Nam           | Đại học  | Quản lý đất đai                  | Chính quy         | Trung bình     | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Đo đặc bản đồ              | 60             |              | 60        | Trúng tuyển              |

| STT                                     | Họ | và tên         | Ngày, tháng, năm sinh |            | Số báo danh | Trình độ chuyên môn                                        |          |                     |                   |                | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học     | Chuyên ngành thi phỏng vấn | Điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Ghi chú           |
|-----------------------------------------|----|----------------|-----------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------------|----------|---------------------|-------------------|----------------|--------------------|----------------------|----------------------------|----------------|--------------|-----------|-------------------|
|                                         |    |                | Nam                   | Nữ         |             | Tên trường đào tạo                                         | Trình độ | Ngành/ Chuyên ngành | Hình thức đào tạo | Xếp loại       |                    |                      |                            |                |              |           |                   |
| 75                                      | 8  | Trương Đại     | Phong                 | 21/08/1984 | 75          | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội | Đại học  | Địa chính           | Vừa làm vừa học   | Trung bình khá | Anh bậc 3/6        | Ứng dụng CNTT cơ bản | Đo đạc bản đồ              | 55             |              | 55        | Trúng tuyển       |
| 76                                      | 9  | Nguyễn Hồng    | Quân                  | 12/10/1992 | 76          | Đại học Thành Đông                                         | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Tin học ứng dụng B   | Đo đạc bản đồ              | 65             |              | 65        | Trúng tuyển       |
| 77                                      | 10 | Lê Thanh       | Tứ                    | 10/06/1991 | 77          | Đại học Nông nghiệp HN                                     | Đại học  | Quản lý đất đai     | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Tin học ứng dụng B   | Đo đạc bản đồ              | 35             |              | 35        | Không trúng tuyển |
| 02 người vào vị trí Kế toán             |    |                |                       |            |             |                                                            |          |                     |                   |                |                    |                      |                            |                |              |           |                   |
| 78                                      | 1  | Cao Thị        | Nến                   | 18/4/1980  | 78          | Đại học Hải Phòng                                          | Đại học  | Kế toán             | Chính quy         | Trung bình khá | Anh B              | Tin học ứng dụng B   | Tài chính                  | 55             |              | 55        | Trúng tuyển       |
| 79                                      | 2  | Nguyễn Thu     | Trang                 | 3/08/1992  | 79          | Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh                      | Đại học  | Kế toán             | Vừa làm vừa học   | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Tài chính                  | 60             |              | 60        | Trúng tuyển       |
| 01 người vào vị trí Hành chính tổng hợp |    |                |                       |            |             |                                                            |          |                     |                   |                |                    |                      |                            |                |              |           |                   |
| 80                                      | 1  | Phạm Thị       | Huyền                 | 20/11/1988 | 80          | Đại học kinh tế quốc dân                                   | Đại học  | Kinh tế             | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Tin học ứng dụng B   | Quản lý đất đai            | 60             |              | 60        | Trúng tuyển       |
| 01 người vào vị trí Thủ quỹ             |    |                |                       |            |             |                                                            |          |                     |                   |                |                    |                      |                            |                |              |           |                   |
| 81                                      | 1  | Nguyễn Thị Hải | Giang                 | 23/8/1994  | 81          | Đại học Dân Lập HP                                         | Đại học  | Kế toán kiểm toán   | Chính quy         | Giỏi           | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Tài chính                  | 60             |              | 60        | Trúng tuyển       |
| 07 người vào vị trí Hành chính một cửa  |    |                |                       |            |             |                                                            |          |                     |                   |                |                    |                      |                            |                |              |           |                   |
| 82                                      | 1  | Đoàn Văn       | Cương                 | 5/07/1985  | 82          | Đại học Trà Vinh                                           | Đại học  | Luật                | Vừa làm vừa học   | Khá            | Anh B              | Tin học ứng dụng B   | Quản lý đất đai            | 62             |              | 62        | Trúng tuyển       |

| STT | Họ | và tên      | Ngày, tháng, năm sinh |            | Số báo danh | Trình độ chuyên môn           |          |                                  |                   |                | Trình độ Ngoại ngữ | Trình độ Tin học     | Chuyên ngành thi phỏng vấn | Điểm phỏng vấn | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Ghi chú     |
|-----|----|-------------|-----------------------|------------|-------------|-------------------------------|----------|----------------------------------|-------------------|----------------|--------------------|----------------------|----------------------------|----------------|--------------|-----------|-------------|
|     |    |             | Nam                   | Nữ         |             | Tên trường đào tạo            | Trình độ | Ngành/ Chuyên ngành              | Hình thức đào tạo | Xếp loại       |                    |                      |                            |                |              |           |             |
| 83  | 2  | Đào Thùy    | Dương                 | 26/11/1993 | 83          | Viện Đại học Mở Hà Nội        | Đại học  | Luật kinh tế                     | Vừa làm vừa học   | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 60             |              | 60        | Trúng tuyển |
| 84  | 3  | Phạm Thị    | Hậu                   | 06/9/1988  | 84          | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Đại học  | Quản lý đất đai                  | Vừa làm vừa học   | Trung bình khá | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 56             |              | 56        | Trúng tuyển |
| 85  | 4  | Đoàn Bích   | Ngọc                  | 11/4/1996  | 85          | Đại học Dân Lập HP            | Đại học  | Quản lý Tài nguyên và Môi trường | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 52             |              | 52        | Trúng tuyển |
| 86  | 5  | Trần Thị Mỹ | Ngọc                  | 08/02/1987 | 86          | Đại học Thành Đông            | Đại học  | Quản lý đất đai                  | Chính quy         | Giỏi           | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 52             |              | 52        | Trúng tuyển |
| 87  | 6  | Hoàng Khánh | Linh                  | 8/6/1988   | 87          | Đại học Thành Đông            | Đại học  | Quản lý đất đai                  | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 62             |              | 62        | Trúng tuyển |
| 88  | 7  | Phạm Hồng   | Son                   | 30/07/1992 | 88          | Đại học Thành Đông            | Đại học  | Quản lý đất đai                  | Chính quy         | Khá            | Anh B              | Ứng dụng CNTT cơ bản | Quản lý đất đai            | 57             | 2,5          | 59,5      | Trúng tuyển |

**Tổng số: 88 người./.**